TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08/11/2018.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Liên và bà Lưu Thị Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/08/2018 vụ kiện "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N – Sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị đơn: Anh Đào Văn T –Sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch B, người đại diện theo ủy quyền ông Võ Khắc H – Phó giám đốc – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ánh N bày: Chị và anh Đào Văn T kết hôn vào ngày 25/11/2008, tại UBND xã E kết hôn tự nguyện . Quá trình chung sống do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, hạnh phúc không hàn gắn được nên chị xin được ly hôn với anh Đào Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Đào Nguyễn Nguyệt H – sinh ngày 17/4/2009 và Đào Nguyễn Tùng L – sinh ngày 22/3/2011 hiện đang do chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị xin được nuôi 02 con đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ánh N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N chưa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện hai vợ chồng còn nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch B số tiền 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng) và lãi suất theo sổ vay vốn số 0306350202. Trong đó: Vay về để

trồng cây Điều là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) làm hệ thống nước sạch sinh hoạt. Theo chị N khoản vay này chị nhận trả nợ. Ngoài ra không nợ ai.

Tại phiên tòa anh Đào Văn T vắng mặt, tuy nhiêntại bản tự khai, biên bản hòa giải anh T trình bày: Lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ánh N về con chung, tài sản chung, nợ chung nêu trên là đúng anh không có ý kiến gì. Còn về quan hệ hôn nhân theo anh hiện mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên anh đề nghị được đoàn tụ vợ chồng và đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch B, người đại diện theo ủy quyền ông Võ Khắc H trình bày: Khoản nợ của vợ chung của chị Nguyễn Thị Ánh N và an Đào Văn T theo như vợ chồng trình bày trong quá trình giải quyết cũng như lời trình bày của chị N tại phiên tòa là đúng. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị N nhận trả nợ cho Ngân hàng ông đồng ý, vì về khả năng trả nợ chị N đáp ứng được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, thông báo hòa giải, các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Đào Văn T hợp lệ, anh Tư chỉ đến Tòa án 01 lần duy nhất, các lần giải quyết tiếp theo anh T vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử theo thủ tục chung.

+ *Về nội dung vụ án*: Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại vợ chồng sống ly thân, không hàn gắn được hạnh phúc. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh N.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 186 và Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N.

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Đào Văn T.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Đào Nguyễn Nguyệt H – sinh ngày 17/4/2009 và Đào Nguyễn Tùng L – sinh ngày 22/3/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập

+ *Về tài sản chung*: Chị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ *Về nợ chung*: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Ánh N nhận trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch B số tiền 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo sổ vay vốn số 0306350202. Trong đó: Vay về để trồng cây Điều là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) làm hệ thống nước sạch sinh hoạt.

+ *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, thông báo hòa giải, các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Đào Văn T hợp lệ, anh T chỉ đến Tòa án 01 lần duy nhất, các lần giải quyết tiếp theo và tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đào Văn T. đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2008, tại UBND xã E trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành lý do chị N đưa ra là do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không hàn gắn được, chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sống và vợ chồng ly thân đã được 01 năm nay, do đó chị N xin ly hôn. Anh T cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, qua xem xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N, anh T tại chính quyền địa phương cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được hạnh phúc là phù hợp với lời khai của chị N, lý do anh T đưa ra không có cơ sở.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Cần giao cho chị chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Đào Nguyễn Nguyệt H – sinh ngày 17/4/2009 và Đào Nguyễn Tùng L – sinh ngày 22/3/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Chị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Ánh N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch B số tiền 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng) và tiền lãi theo sổ vay vốn số 0306350202. Trong đó: Vay về để trồng cây Điều là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) làm hệ thống nước sạch sinh hoạt.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 186 và Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;.

+ Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Đào Văn T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Đào Nguyễn Nguyệt H – sinh ngày 17/4/2009 và Đào Nguyễn Tùng L – sinh ngày 22/3/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Ánh N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Anh Đào Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4/ Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Ánh N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

5/ Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch B số tiền 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng) và tiền lãi theo sổ vay vốn số 0306350202. Trong đó: Vay về để trồng cây Điều là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) làm hệ thống nước sạch sinh hoạt.

6/ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm do chị Nguyễn Thị Ánh N đã nộp theo biên lai số 0002906 ngày 17/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện ;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện ;
- UBND xã E, huyện;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn